

ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG TRONG VIỆC XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH THÔNG TIN – THƯ VIỆN

PGS TS Nguyễn Hồng Sinh

Trường Đại học KHXX&NV, ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh

- **Tóm tắt:** Bài viết trình bày chu trình đảm bảo chất lượng và các yêu cầu đối với việc xây dựng chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra trong bối cảnh đào tạo ngành Thông tin - Thư viện. Các nội dung được tập trung phân tích gồm có chu trình với 5 khâu: lập kế hoạch, thực hiện, kiểm tra và cải tiến; công tác thu thập ý kiến của các bên liên quan; xác định năng lực đầu ra của sinh viên tốt nghiệp; thiết kế chuẩn đầu ra; bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương chi tiết.
- **Từ khóa:** Chương trình đào tạo; đảm bảo chất lượng; nguyên tắc PDCA; chuẩn đầu ra.

ENSURING QUALITY IN DEVELOPING TRAINING PROGRAMS ON INFORMATION AND LIBRARY SCIENCES

- **Abstract:** The paper presents the quality assurance cycle and requirements for developing a training program that meets output standards in the context of training programs on the Information - Library sciences. The content which is concentrated for analysis including the cycle with 5 stages: planning, implementation, inspection and improvement; the work of collecting ideas from stakeholders; determining the output capacity of graduates; designing output standards; curriculum description and detailed outline.
- **Keywords:** Training program; ensuring quality; PDCA principle; output standards.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

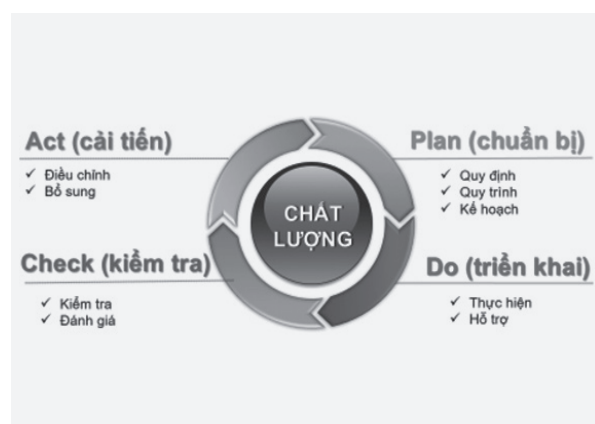
Trước yêu cầu hội nhập quốc tế trong giáo dục đại học, cũng như đảm bảo quá trình đào tạo sẽ cung cấp cho xã hội một lực lượng lao động có năng lực làm việc hiệu quả, các trường đại học đang nỗ lực nâng cao chất lượng đào tạo thông qua nhiều giải pháp. Chuẩn hóa và cam kết đảm bảo chất lượng trong việc thiết kế và vận hành chương trình đào tạo (CTĐT) là một trong những giải pháp cần thiết. Chính vì vậy, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) đang đẩy mạnh công tác đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục đối với các CTĐT [4]. Bộ GD&ĐT đang khuyến khích các đơn vị đào tạo kiểm định theo chuẩn khu vực AUN-QA (ASEAN University Network - Quality Assurance) hoặc theo chuẩn quốc gia với 11 tiêu chuẩn gồm 60 tiêu chí [4]. Trong bối cảnh này, ngành Thông tin - Thư viện (TT-TV)

cần thực hiện các nỗ lực đảm bảo chất lượng cho hoạt động đào tạo theo chuẩn của quốc gia và quốc tế. Hiện tại nhiều khoa đào tạo ngành TT-TV đang chuẩn hóa CTĐT để đảm bảo chất lượng và chuẩn bị kiểm định chất lượng giáo dục. Do đó, tìm hiểu các nguyên tắc đảm bảo chất lượng trong việc xây dựng và vận hành CTĐT, đồng thời nghiên cứu thực trạng và kinh nghiệm, giải pháp và biện pháp để triển khai công tác đảm bảo chất lượng cho các CTĐT ngành TT-TV là mảng đề tài cần được cộng đồng ngành TT-TV quan tâm. Bài viết này là một nỗ lực ban đầu trong việc nghiên cứu về đề tài vừa nêu. Các nội dung về nguyên tắc đảm bảo chất lượng và việc thiết kế CTĐT đáp ứng chuẩn đầu ra (learning outcome) sẽ được phân tích trong bối cảnh đào tạo ngành TT-TV. Các nội dung này chính là những yêu cầu cốt lõi của hầu hết các bộ tiêu chuẩn kiểm định hiện nay.

2. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO NGUYÊN TẮC PDCA

2.1. Liên kết trang quản lý tài nguyên số tới Google Scholar

Dưới tác động của xu hướng hội nhập quốc tế trong giáo dục đại học cũng như các quy định về kiểm định chất lượng giáo dục, các đơn vị đào tạo đại học đã từng bước tiếp thu các triết lý giáo dục của thế giới. Nhiều nơi đã tiếp thu và áp dụng nguyên tắc PDCA (Plan, Do, Check, Act) cho quá trình vận hành CTĐT. Bản chất của nguyên tắc này là để đảm bảo chất lượng cho một công tác hay một hoạt động thì cần thực hiện công tác đó theo bốn khâu/giai đoạn/bước gồm: Plan (Chuẩn bị), Do (Triển khai), Check (Kiểm tra), Act (Cải tiến). Nguyên tắc này được mô phỏng theo mô hình dưới đây [14].

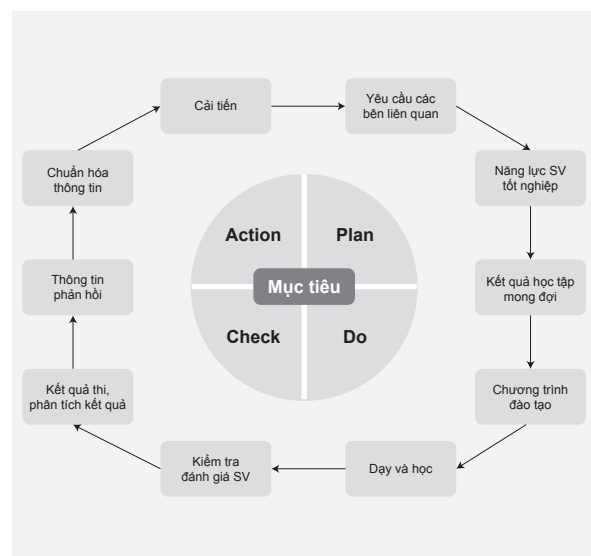


Trong khâu chuẩn bị, các việc cần làm là lên kế hoạch và chuẩn bị/tạo lập các điều kiện, cơ sở cần thiết để thực hiện kế hoạch; các điều kiện này bao gồm cả các quy định, quy trình và các nguồn lực cần thiết. Trong khâu triển khai, các hoạt động cần được thực hiện theo kế hoạch, theo quy định và quy trình đặt ra. Bên cạnh đó, quá trình triển khai cũng cần tận dụng mọi hỗ trợ để góp phần triển khai thành công kế hoạch. Việc triển khai cần được kiểm tra và đánh giá. Khâu kiểm tra này có thể bao gồm kiểm tra quá trình thực hiện, và kiểm tra kết quả thực hiện. Việc kiểm tra có thể căn cứ vào các đánh giá dựa theo các

tiêu chí đặt ra, có thể căn cứ vào các thông tin phản hồi từ nhiều kênh, còn gọi là từ các bên liên quan. Cuối cùng là khâu cải tiến. Các quyết định cải tiến cần dựa trên thông tin được coi là chuẩn xác, có giá trị từ quá trình kiểm tra và đánh giá. Cần lưu ý, quá trình thực hiện một công tác được phân định thành bốn khâu, tuy nhiên trong mỗi khâu cũng cần áp dụng chu trình PDCA; ví dụ, khâu chuẩn bị thì cũng cần thực hiện PDCA cho quá trình chuẩn bị.

2.2. Áp dụng nguyên tắc PDCA vào quá trình vận hành chương trình đào tạo

Vận dụng mô hình PDCA, Johnson Ong Cheebin đã đưa ra các bước cho quá trình vận hành một CTĐT theo mô hình sau [14]. Khâu chuẩn bị bao gồm xác định yêu cầu của các bên liên quan đối với CTĐT, xác định năng lực cho sinh viên tốt nghiệp, xác định kết quả học tập mong đợi - được gọi là chuẩn đầu ra và thiết kế CTĐT. Khâu triển khai bao gồm thực hiện việc dạy và học, việc kiểm tra, đánh giá sinh viên. Khâu kiểm tra bao gồm thu nhận kết quả của hoạt động dạy và học, phân tích, nhận phản hồi/đánh giá về các hoạt động này. Khâu cải tiến bao gồm việc chuẩn xác thông tin thu thập được từ khâu kiểm tra để làm cơ sở cho các đề xuất cải tiến và thực hiện việc cải tiến. Toàn bộ quá trình vận hành CTĐT xoay quanh việc thực hiện mục tiêu của CTĐT, hay còn gọi là mục tiêu đào tạo.



3. THIẾT KẾ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO CHU TRÌNH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ ĐÁP ỨNG CHUẨN ĐẦU RA

3.1. Tuyên bố mục tiêu đào tạo

Như đã đề cập, thiết kế CTĐT là khâu chuẩn bị để vận hành CTĐT. Việc thiết kế này cần đảm bảo đáp ứng mục tiêu đào tạo. Do đó, các khoa đào tạo cần tuyên bố rõ ràng mục tiêu đào tạo - đây được coi là căn cứ để xác lập ngưỡng chất lượng của nội dung và cách thức đào tạo (phương pháp dạy và học, các hoạt động trải nghiệm khác dành cho người học). Theo các hướng dẫn thiết kế và phát triển CTĐT thì mục tiêu đào tạo là tuyên bố tổng quát về lý do tồn tại của CTĐT, khái quát hóa những đặc điểm về năng lực mà cơ sở đào tạo định hướng sẽ trang bị cho người học, chỉ ra lĩnh vực chuyên ngành của CTĐT và bối cảnh hoạt động nghề nghiệp, sự nghiệp tương lai của người học sau khi tốt nghiệp [6]. Thông qua việc tuyên bố mục tiêu đào tạo, đơn vị đào tạo xác lập bản sắc/đặc trưng/sự khác biệt cho sản phẩm đào tạo của mình. Cần lưu ý rằng, khác với chuẩn đầu ra (sẽ được giải thích tại phần sau), mục tiêu đào tạo là đích nhắm đến của CTĐT và quá trình đào tạo sẽ chuẩn bị cho người học phát triển để đạt được năng lực theo định hướng đó, chứ không hẳn là đến khi tốt nghiệp, người học sẽ đạt được các năng lực như tuyên bố trong mục tiêu. Việc xác định mục tiêu đào tạo căn cứ vào nhiều yếu tố, bao gồm triết lý giáo dục của đơn vị đào tạo, nhu cầu của xã hội thông qua phản ánh của các bên liên quan, yêu cầu của lĩnh vực nghề nghiệp, điều kiện của bối cảnh thực tiễn. Việc xác định yêu cầu của các bên liên quan và lĩnh vực nghề nghiệp sẽ được trình bày trong mục tiếp theo; tuy nhiên tại đây cần lưu ý là đối với các đơn vị đào tạo ngành TT-TV tại Việt Nam, khi xác định mục tiêu đào tạo cần bao gồm các mục tiêu giáo dục, tính chất và nguyên lý giáo dục, được thể hiện trong Điều 2 và điều 3 của Luật Giáo dục ban hành năm 2019 [12]. Bởi đây cũng là một phần của bối cảnh thực tiễn, và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT có yêu cầu điều này [4]. Dưới đây là một ví dụ về mục tiêu đào tạo cho CTĐT ngành TT-TV.

CTĐT ngành TT-TV đào tạo ra cử nhân có kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, xã hội và nhân văn, có kiến thức toàn diện và hệ thống về môi trường thông tin và hoạt động của ngành TT-TV. CTĐT chuẩn bị cho người học năng lực làm việc một cách chuyên nghiệp cho các vị trí công việc khác nhau trong lĩnh vực TT-TV tại các loại hình thư viện, các cơ quan truyền thông, hành chính, văn phòng; và chuẩn bị cho người học có thể tiếp tục theo học các bậc cao hơn để trở thành chuyên gia nghiên cứu và giảng dạy về lĩnh vực TT-TV.

3.2. Xác định yêu cầu của các bên liên quan

Bên liên quan là những bộ phận, thành phần có khả năng tác động, ảnh hưởng đến CTĐT, như là các cấp quản lý, nhà tuyển dụng, người học, người dạy, các cơ quan kiểm định, các đơn vị/hiệp hội nghề nghiệp liên quan. Mỗi đơn vị đào tạo cần xác định các bên liên quan cụ thể của mình. Có thể thấy, mỗi một bên liên quan sẽ có những cách tiếp cận khác nhau khi đưa ra quan điểm, nhận định, yêu cầu đối với một CTĐT. Chính phủ có khung năng lực định hướng chuẩn đầu ra cho các bậc học [13], nhà trường có mục tiêu và triết lý giáo dục, xã hội có những kỳ vọng về ngành học, nhà tuyển dụng có yêu cầu rất cụ thể về kỹ năng nghiệp vụ, người dạy có khuynh hướng đề cao tính học thuật, người học mong muốn có được năng lực đa dạng. Do đó, thách thức của đơn vị đào tạo là phải thu thập được thông tin mang tính đại diện, đáng tin cậy, từ nhiều phía; rồi từ đó phân tích, tổng hòa, và lựa chọn những thông tin cần thiết, thích đáng làm cơ sở thiết lập mục tiêu, cũng như chuẩn đầu ra cho CTĐT.

Đối với các khoa đào tạo ngành TT-TV, bên liên quan là cấp quản lý gồm Bộ GD&ĐT, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, trường đại học và khoa trực thuộc. Yêu cầu của các bên liên quan quản lý cấp nhà nước thể hiện ở các văn bản như luật, chính sách, chỉ thị, chủ trương, kế hoạch chiến lược, quy định liên quan đến giáo dục đại học, đến hoạt động của ngành TT-TV. Yêu cầu của bên liên quan quản lý cấp trường đại học thể hiện ở các văn bản như mục tiêu đào tạo của trường, triết lý giáo dục, giá trị cốt lõi, chủ trương, chính sách, kế hoạch chiến

lược, quy định của trường. Do đó, các khoa cần cập nhật và phân tích các văn bản liên quan để xác định các định hướng, quy định của các cấp quản lý. Các định hướng sẽ là cơ sở xác lập mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra; các quy định sẽ là cơ sở cho việc thiết kế thời lượng, nội dung, phương pháp đào tạo. Nhà tuyển dụng gồm có các thư viện và cơ quan đã và có tiềm năng sử dụng sinh viên tốt nghiệp của Khoa. Có thể lấy ý kiến của nhà tuyển dụng bằng cách khảo sát qua bảng hỏi, tổ chức hội nghị nhà tuyển dụng, phiếu nhận xét/trao đổi của đơn vị tiếp nhận sinh viên thực tập. Người học bao gồm cả người đang học, người chuẩn bị và đã tốt nghiệp. Có thể lấy ý kiến của người học bằng cách khảo sát qua bảng hỏi, hoặc các hình thức trao đổi trực tiếp. Người dạy gồm giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng. Có thể lấy ý kiến người dạy qua các hình thức sinh hoạt chuyên môn của Khoa.

Trên thực tế, việc lấy ý kiến của nhà tuyển dụng và cựu học viên gặp khá nhiều thách thức từ việc thuyết phục các đối tượng tham dự, đến việc đảm bảo tính giá trị và độ tin cậy của các ý kiến. Có thể thấy, với phổ kiến thức và kỹ năng của ngành TT-TV khá rộng, nên khi ra trường sinh viên có thể làm việc ở nhiều loại cơ quan khác nhau; do đó nhà tuyển dụng của ngành này rất đa dạng. Tính riêng các cơ quan thư viện, thì yêu cầu năng lực làm việc tại thư viện trường phổ thông, thư viện đại học, thư viện công cộng cũng đã có sự khác biệt; do đó, ý kiến của các nhà tuyển dụng cho dù là xác thực thì việc lựa chọn ý kiến làm cơ sở để thiết kế hoặc cải tiến CTĐT cần phải rất cân nhắc. Ngoài ra, theo yêu cầu kiểm định, sau khi CTĐT được đưa vào vận hành thì cứ hai năm phải thực hiện rà soát để cải tiến một lần [4]. Điều này đòi hỏi công tác lấy ý kiến các bên liên quan cần được triển khai một cách bài bản với chu trình PDCA, có định kỳ nhất định, có biện pháp cụ thể, việc lấy và phân tích ý kiến cần thực hiện như một cuộc thu thập và phân tích dữ liệu nghiên cứu. Kết quả của mỗi đợt lấy ý kiến cần lưu lại để đối sánh và làm cơ sở cho các quyết định khi thiết kế mới hoặc điều chỉnh CTĐT.

3.3. Xác định các năng lực của sinh viên tốt nghiệp

Khối lượng kiến thức của các lĩnh vực khoa học, trong đó có khoa học TT-TV ngày càng nhiều; trong khi đó việc hiểu biết các kiến thức chuyên môn chưa đảm bảo sẽ giúp sinh viên ra trường biết làm việc hiệu quả. Do đó, hiện nay CTĐT cần xác định và tập trung trang bị những năng lực cụ thể và phù hợp cho người học. Ở đây, năng lực được hiểu là khả năng thực hiện các công việc cụ thể trong lĩnh vực nghề nghiệp, được hình thành thông qua việc người học biết kết hợp sử dụng các kiến thức, kỹ năng, và thái độ phù hợp (thái độ ở đây không chỉ là phẩm chất nhân văn, mà còn là quan điểm, cách xử thế, hướng tiếp cận, mức độ tự chủ của một cá nhân trước các vấn đề, tình huống xảy ra trong khi sống và làm việc) để hoàn thành công việc. Nói một cách khác, CTĐT không chỉ tập trung trang bị kiến thức mà còn phải trang bị kỹ năng nghề và kỹ năng xã hội, cũng như tính tự chủ cho người học với những nội dung và mức độ rõ ràng và cụ thể.

Việc xác định các năng lực này cần dựa trên cơ sở khoa học của ngành, cụ thể là năng lực chuyên môn để thực hành nghề nghiệp, và cơ sở thực tiễn. Có thể coi kết quả phân tích yêu cầu của các bên liên quan là cơ sở thực tiễn, trong khi đó cơ sở khoa học ngành tùy thuộc vào sự lựa chọn trường phái/quan điểm khoa học của đơn vị đào tạo. Các khoa đào tạo ngành TT-TV có thể lựa chọn một hoặc kết hợp các mô hình/chuẩn/hướng dẫn về kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp do các hiệp hội nghề nghiệp thuộc lĩnh vực TT-TV ban hành làm cơ sở khoa học để xác định các năng lực sinh viên tốt nghiệp cần có. Ví dụ như, IFLA (Liên đoàn quốc tế các hội và cơ quan TT-TV), đưa ra các chuẩn cho các CTĐT ngành TT-TV, trong đó chỉ ra 11 nhóm năng lực cần trang bị cho người học, gồm: Kiến thức về môi trường thông tin, các tác động của xã hội thông tin, chính sách thông tin và đạo

đức sử dụng thông tin; Tạo lập, truyền tải và sử dụng thông tin; Đánh giá nhu cầu tin và thiết kế dịch vụ đáp ứng nhu cầu; Quá trình truyền thông tin; Quản lý tài nguyên thông tin bao gồm tổ chức, xử lý, truy hồi, bảo quản và phục chế thông tin; Nghiên cứu, phân tích và diễn giải thông tin; Ứng dụng CNTT và truyền thông trong mọi khía cạnh của hoạt động thư viện, sản phẩm và dịch vụ thông tin; Quản lý tri thức; Quản lý các cơ quan thông tin; Đánh giá định tính và định lượng đầu ra của việc sử dụng thông tin và sử dụng thư viện; Ý thức về hệ tri thức bản địa [8]. Tại Mỹ, ALA (Hiệp hội Thư viện Hoa Kỳ) đưa ra danh mục gồm tám nhóm năng lực cốt lõi của ngành thư viện, bao gồm kiến thức cơ sở ngành, năng lực về quản lý tài nguyên thông tin, về tổ chức thông tin và tri thức, về công nghệ, về phục vụ người dùng tin, về nghiên cứu khoa học, về học tập suốt đời, về quản trị và quản lý. Từ tám nhóm năng lực này, ALA đã xác định 41 chủ đề cụ thể có thể triển khai thành các chuẩn đầu ra cho các CTĐT [1]. Tương tự, CILIP (Hiệp hội thư viện và thông tin của Vương quốc Anh) đã đưa ra một mô hình kiến thức và kỹ năng nền tảng cho các nghề thuộc lĩnh vực TT-TV gồm kiến thức về đạo đức và giá trị của ngành; Kiến thức và kỹ năng chuyên môn (có 8 nhóm chính gồm 64 nội dung); Kỹ năng xã hội, cá nhân, quản lý và công nghệ (có 4 nhóm chính gồm 32 nội dung); Hiểu biết về bối cảnh bao gồm bối cảnh của lĩnh vực TT-TV và bối cảnh của tổ chức và môi trường xã hội [5].

Việc phân tích các năng lực từ các mô hình/chuẩn/hướng dẫn (cơ sở khoa học) kết hợp với việc phân tích ý kiến các bên liên quan (cơ sở thực tiễn) sẽ giúp các khoa lựa chọn và xác định được năng lực cần đào tạo cho sinh viên phù hợp với bối cảnh của Việt Nam nói chung, của đơn vị đào tạo nói riêng. Các năng lực được xác định ở đây sẽ được trình bày khái quát trong mục tiêu đào tạo, và được cụ thể hóa trong các chuẩn đầu ra của CTĐT.

3.4. Xây dựng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

3.4.1. Khái niệm chuẩn đầu ra

Trong tiếng Anh có một vài thuật ngữ (*intended learning outcome, expected learning outcome, student outcome*) chỉ năng lực dự kiến/mong đợi người học sẽ đạt được sau khi hoàn tất một CTĐT, một môn học, thậm chí một bài học. Nói một cách khác, đây là những điều mà chúng ta muốn sinh viên hiểu được, làm được sau khi hoàn thành một khóa học nhờ vào chính những gì chúng ta trang bị cho họ [8]. Khái niệm này được Bộ GD&ĐT sử dụng dưới thuật ngữ chuẩn đầu ra [3].

Như đã đề cập, các năng lực này được tuyên bố một cách khái quát trong mục tiêu đào tạo, tuy nhiên để thực hiện CTĐT, các năng lực này phải được cụ thể hóa thành các chủ đề cụ thể để triển khai thành các nội dung và các hoạt động cho việc dạy và học. Ví dụ, mục tiêu đào tạo tuyên bố sinh viên ra trường sẽ có phẩm chất nghề nghiệp phù hợp, thì phải làm rõ, ở trình độ đại học, sinh viên có phẩm chất cụ thể gì và thể hiện ra ở mức độ nào. Do đó chuẩn đầu ra của CTĐT cần trình bày thành các nội dung là (1) *Sẵn sàng ủng hộ lợi ích chung của hoạt động TT-TV* và (2) *Bảo vệ quyền lợi của người dùng và tìm kiếm giải pháp tối ưu phục vụ người sử dụng*. Làm rõ điều này sẽ giúp người học hiểu rõ ràng những gì họ có thể đạt được từ quá trình học, từ đó họ ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ để tạo cho mình năng lực làm việc. Làm rõ điều này sẽ giúp giảng viên thiết kế nội dung giảng, phương pháp và tiêu chí đánh giá tập trung đo lường năng lực người học cần đạt được.

3.4.2. Xác định nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [3; 13], cũng như các yêu cầu của bộ tiêu chuẩn kiểm định [4], các năng lực cần trang bị cho người học sẽ được cụ thể hóa thành các nội dung có thể dạy và học thành các chuẩn đầu ra của CTĐT, bao gồm các chuẩn đầu ra về (1) kiến thức, (2) kỹ năng, và (3) thái độ. Bảng dưới là ví dụ về các chuẩn đầu ra của CTĐT.

Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
<i>KT1 - Trình bày được các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực TT-TV.</i> <i>KT2 - Phân tích được các kiến thức lý thuyết về: tạo lập, thu thập, xử lý, tổ chức, khai thác nguồn tài nguyên thông tin; tổ chức, quản lý hoạt động TT-TV trong các cơ quan TT-TV và các tổ chức khác.</i> <i>KT3 ...</i>	<i>KN1 - Thực hiện được các kỹ thuật trong các công tác thu thập, xử lý, tổ chức, bảo quản và phục vụ thông tin.</i> <i>KN2 - Sử dụng được các công cụ công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động của thư viện.</i> <i>KN3 ...</i>	<i>TĐ1 - Sẵn sàng liên tục học tập, nâng cao trình độ và ứng dụng tri thức vào hoạt động thực tiễn.</i> <i>TĐ2 - Thích ứng được với môi trường làm việc đa dạng và luôn thay đổi.</i> <i>TĐ3 - Thể hiện trách nhiệm trong công việc.</i> <i>TĐ4 ...</i>

Cũng bao hàm ba nhóm chuẩn đầu ra, việc thiết kế chuẩn đầu ra theo cách tiếp cận CDIO (Conceive-Design-Implement-Operate - hướng tiếp cận này chú trọng giáo dục các khả năng nền tảng để thực hiện được các công việc trong chu trình lên ý tưởng-thiết kế-triển khai-vận hành hệ thống và sản phẩm) lại được trình bày theo khung bốn mục lớn - gọi là chuẩn đầu ra cấp độ 1, gồm (1) Kiến thức và lập luận ngành, (2) Kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp, và phẩm chất (3) Kỹ năng giao tiếp (4) Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai,

vận hành hệ thống trong bối cảnh thực tiễn. Trong từng mục của cấp độ 1, các nội dung trực thuộc sẽ được liệt kê tạo thành các chuẩn đầu ra cấp độ 2, rồi tiếp tục như thế từ cấp độ 2 tạo thành cấp độ 3. Đến lúc này, các chuẩn đầu ra đã được xác định thành các nội dung cụ thể có thể dạy và học được. CDIO vốn được áp dụng cho các ngành thuộc lĩnh vực kỹ thuật, tuy nhiên các ngành thuộc lĩnh vực khác vẫn có thể áp dụng thích ứng bốn mục chuẩn đầu ra này [7]. Dưới đây là ví dụ chuẩn đầu ra của CTĐT ngành TT-TV.

	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	Trình độ năng lực
1	Kiến thức và lập luận ngành	
1.1	Kiến thức cơ bản về xã hội, khoa học, chính trị và bối cảnh của hoạt động TT-TV	
1.1.1	Vận dụng các kiến thức cơ bản về khoa học, xã hội, lý luận chính trị vào thực tiễn của lĩnh vực TT-TV	3.0
1.1.2	Phân tích bối cảnh môi trường thông tin và hoạt động TT-TV	4.0
1.2	Kiến thức ngành TT-TV	
1.2.1	Phân tích các lý thuyết, nguyên tắc, cách thức của các công tác trong hoạt động TT-TV	4.0
1.2.2	Áp dụng các kiến thức về nghiên cứu khoa học, quản lý tổ chức để thực hiện các hoạt động nghiên cứu chuyên môn và vận hành các hoạt động trong cơ quan TT-TV	3.0
2	Kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp	
2.1	Kỹ năng nghề nghiệp	
2.1.1	Thực hiện các kỹ thuật với các công cụ tiêu chuẩn trong việc thu thập, xử lý, tổ chức, bảo quản, tra cứu, và phục vụ thông tin	4.0
2.1.2	Thực hiện các hoạt động vận động, dẫn dắt, quảng bá và truyền cảm hứng, cũng như tác động lên các bên liên quan đến hoạt động TT-TV.	4.0
2.1.3	Sử dụng các ứng dụng CNTT và truyền thông vào hoạt động TT-TV	4.0

2.2	Phẩm chất nghề nghiệp	
2.2.1	Sẵn sàng ủng hộ lợi ích chung của hoạt động TT-TV	4.0
2.2.2	Bảo vệ quyền lợi của người dùng và tìm kiếm giải pháp tối ưu phục vụ người sử dụng	4.0
3	Kỹ năng và phẩm chất cá nhân	
3.1	Kỹ năng cá nhân	
3.1.1	Thực hiện việc tổ chức và phát triển các hoạt động nhóm	3.0
3.1.2	Thực hiện các phương thức giao tiếp khác nhau	3.0
3.1.3	Thực hiện quá trình tư duy hệ thống, lập luận phân tích, giải quyết vấn đề và học tập suốt đời	3.0
3.2	Phẩm chất cá nhân	
3.2.1	Hình thành tính chủ động, cẩn trọng, trung thực, có trách nhiệm trong học tập và sinh hoạt tập thể	3.0
3.2.2	Sẵn sàng cầu thị, thích nghi, điều chỉnh để đáp ứng với môi trường làm việc đa dạng	3.0
4.	Năng lực thực hành nghề nghiệp	
4.1	Năng lực vận hành hoạt động TT-TV	
4.1.1	Vận hành được các công tác trong việc tạo lập và tổ chức nguồn tài nguyên, khai thác và phục vụ thông tin trong cơ quan TT-TV	4.0
4.1.2	Thiết lập được chiến lược tổ chức và triển khai các hoạt động TT-TV trong cơ quan TT-TV	4.0
4.2	Năng lực ứng dụng CNTT và truyền thông vào hoạt động TT-TV	
4.2.1	Xác lập được các yêu cầu phù hợp cho việc ứng dụng CNTT và truyền thông cho các hoạt động của cơ quan TT-TV	3.0
4.2.2	Ứng dụng linh hoạt các tiện ích CNTT và truyền thông vào hoạt động TT-TV	3.0

3.4.3. Xác định trình độ năng lực cho các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Với mỗi nội dung của các chuẩn đầu ra, ở mỗi bậc học sẽ đòi hỏi người học đạt đến một trình độ nhất định; do đó khi thiết kế chuẩn đầu ra cũng cần xác định trình độ năng lực người học cần đạt được đối với từng chuẩn đầu ra. Hiện nay nhiều nơi dùng thang đo Bloom [2], hoặc tự xây dựng thang đo dựa trên việc tham khảo thang Bloom để chỉ ra trình độ năng lực người học cần đạt được. Thang Bloom quy ước các cấp độ từ thấp đến cao như sau, đối với kiến thức: ở mức (1) nhớ, (2) hiểu, (3) áp dụng, (4) phân tích, (5) đánh giá, (6) sáng tạo. Đối với kỹ năng: ở mức (1) nhận thức bằng tri giác, (2) thực hiện hành động, thao tác, (3) thực hiện được kỹ năng phức tạp theo sự hướng dẫn, (4) thực hiện được hoạt động phức tạp,

(5) hoàn thành hoạt động một cách tự động, (6) thích ứng, (7) sáng tạo. Đối với thái độ: ở mức (1) tiếp nhận, (2) đáp ứng, hưởng ứng (3) hình thành giá trị cá nhân, (4) sắp xếp các giá trị cá nhân một cách hài hòa và nhất quán (5) xác lập bản sắc riêng. Thang Bloom cũng giới thiệu danh mục các động từ chỉ hành động, ví dụ như *mô tả được, giải thích được, tuân thủ ...*, dùng đặt trước nội dung chuẩn đầu ra để thể hiện mức thành thạo đối với nội dung ấy. Việc làm rõ trình độ cần đạt được sẽ giúp xác định được dung lượng và mức độ giảng dạy cần thiết cho từng nội dung. Đây cũng là cơ sở khi thiết kế độ khó cho các bài kiểm tra, thi cử; đồng thời giúp người học đo được năng lực họ cần đạt được sau quá trình học. Tại cột thứ ba của ví dụ trên là các ví dụ về trình độ năng lực tương ứng với các chuẩn đầu ra của CTĐT.

3.5. Thiết kế môn học, thời lượng và tiến trình đào tạo

Việc thiết kế nội dung giảng dạy cần dựa trên chuẩn đầu ra, do đó để thuận tiện, chuẩn đầu ra của CTĐT sẽ được phân tích thành các

chuẩn đầu ra cụ thể hơn - gọi là chuẩn đầu ra cấp môn học. Lúc này, nội dung của các chuẩn đầu ra cần cụ thể ở mức có thể dạy và kiểm tra, đánh giá việc tiếp thu của người học trong khuôn khổ một môn học. Bảng dưới là ví dụ minh họa chuẩn đầu ra cấp môn học.

	Chuẩn đầu ra cấp chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra cấp môn học
2.1	Kỹ năng nghề nghiệp	
2.2.1	<i>Thực hiện các kỹ thuật với các công cụ tiêu chuẩn trong việc thu thập, xử lý, tổ chức, bảo quản, tra cứu, và phục vụ thông tin</i>	<i>Sử dụng được các công cụ chuẩn nghiệp vụ gồm AACR2, DDC, LCSH, (2)</i>
		<i>Thành thạo quy trình và phương pháp của công tác xử lý thông tin, gồm biên mục, phân loại, định từ khóa, tổng quan.</i>
		<i>Thành thạo quy trình và phương pháp của công tác bổ sung, tổ chức kho tài liệu.</i>
		...

Việc thiết kế chuẩn đầu ra cấp môn học khá kỳ công nhưng sẽ giúp thiết kế được nội dung cho các môn học đảm bảo đáp ứng mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của CTĐT, giúp xác định được các nội dung được tích hợp từ nhiều môn học, giúp thiết kế nội dung và phương pháp kiểm tra, thi cử đo lường được năng lực người học cần đạt đến. Theo cách này, mỗi môn học sẽ được phân công đảm nhiệm (phân nhiệm) một số chuẩn đầu ra. Lưu ý là có những chuẩn đầu ra của CTĐT người học chỉ có thể đạt được trình độ năng lực mong muốn khi được trang bị dần kiến thức và kỹ năng từ thấp đến cao, từ tổng quát đến chuyên sâu, thông qua tổ hợp nhiều môn học, hoặc người học phải tự trang bị qua các hoạt động tự học, tự trải nghiệm; do đó một chuẩn đầu ra của CTĐT thường sẽ được phân nhiệm cho nhiều môn học và việc phân nhiệm cũng bao gồm cả việc xác định mức trình độ năng lực tại mỗi môn học đối với từng chuẩn đầu ra. Việc phân nhiệm cũng cần được cân nhắc cùng với việc thiết kế lộ trình giảng dạy các môn học trong CTĐT để đảm bảo người học sẽ tiếp thu kiến thức một cách hệ thống và tăng dần độ khó cho đến khi đạt được mức năng lực như tuyên bố trong chuẩn đầu ra của CTĐT. Mỗi môn học chỉ đảm nhận được số lượng chuẩn đầu ra nhất định tương thích với

thời lượng giảng dạy và độ khó của chuẩn đầu ra. Kinh nghiệm cho thấy một môn học có từ bốn đến bảy chuẩn đầu ra là khả thi.

Khi đã xác định được chuẩn đầu ra và độ khó thì sẽ xác định được mức độ giảng dạy cho từng nội dung và thời lượng của từng môn học, đồng thời giúp thiết kế phương pháp dạy và kiểm tra phù hợp. Theo các hướng dẫn thiết kế CTĐT theo CDIO, các mức độ giảng dạy bao gồm I (Introduce - giới thiệu), T (Teach - dạy), và U (Utilize - sử dụng/vận dụng) [11]. Trong đó, mức độ “giới thiệu” quy định giảng viên trình bày một cách ngắn gọn, đưa ra các nét phác thảo về một nội dung, không đi vào giảng các chi tiết cũng như các vấn đề liên quan đến nội dung đó; do vậy cũng không cần kiểm tra năng lực của sinh viên về nội dung này. Thời lượng dành cho việc giới thiệu một nội dung không cần quá một giờ giảng, và có thể sử dụng bất kỳ hình thức nào (giảng, thảo luận, quan sát hoặc thử nghiệm) để truyền đạt nội dung. Mức độ “dạy” quy định giảng viên giảng, cung cấp kiến thức, hướng dẫn sinh viên học các nội dung mới. Hoạt động dạy cần giúp sinh viên đạt đến một trình độ nhất định về nhận thức và năng lực. Thời lượng cho hoạt động giảng dạy tùy thuộc vào độ phức tạp của nội dung cần truyền đạt, tuy nhiên thường sẽ mất nhiều giờ giảng và có thể sử dụng bất

kỳ một phương pháp giảng dạy nào. Các nội dung giảng dạy được xác định là chuẩn đầu ra cụ thể và cần phải là một nội dung kiểm tra hoặc thi cuối kỳ. Mức độ “dùng/sử dụng” quy định giảng viên mặc định là từ quá trình học tập trước đó hoặc tự học, sinh viên đã được trang bị kiến thức hoặc kỹ năng về nội dung cần đề cập; do đó sẽ không giảng về nội dung này nhưng sẽ yêu cầu sinh viên sử dụng hiểu biết của mình về nội dung này để học một nội dung mới, đạt được một chuẩn đầu ra. Ở đây, giảng viên không cần kiểm tra năng lực của sinh viên về nội dung này, mà kiểm tra năng lực của sinh viên đối với nội dung mới.

Như vậy, việc phân nhiệm sẽ giúp giảng viên hiểu rõ cần dạy cái gì, ở mức nào và sự đóng góp của môn học vào việc đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT. Trên cơ sở này, đề cương chi tiết của từng môn học sẽ được biên soạn phục vụ cho việc triển khai quá trình dạy và học.

4. TRÌNH BÀY BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

Theo yêu cầu của công tác đảm bảo chất lượng và yêu cầu của các bộ tiêu chuẩn kiểm định, CTĐT phải được trình bày/mô tả để phổ biến đến các bên liên quan; tuy nhiên, mỗi bên liên quan có các nhu cầu khác nhau khi tìm hiểu về một CTĐT. Vì vậy, đơn vị đào tạo cần có bản mô tả toàn diện và chi tiết về CTĐT để sử dụng cho quá trình quản lý, dạy và học của các đối tượng bên trong đơn vị đào tạo; đồng thời biên soạn các phiên bản rút gọn hoặc tóm tắt để với các trọng tâm và mức độ khác nhau phổ biến đến các đối tượng khác nhau.

Theo yêu cầu của bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT [4], bản mô tả CTĐT phải gồm các mục sau: tên đơn vị đào tạo; tên gọi của văn bằng; tên CTĐT; thời gian đào tạo; mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT; tiêu chí tuyển sinh; cấu trúc lộ trình đào tạo (còn gọi là chương trình dạy học); ma trận thể hiện sự đóng góp của các môn học vào việc đạt chuẩn đầu ra của CTĐT; đề cương các môn học; thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh

bản mô tả CTĐT. Trong đó, đề cương môn học là một bản mô tả chi tiết, đầy đủ và rõ ràng các thông tin về môn học, cũng như kế hoạch giảng dạy và đánh giá người học. Các mục cần có trong đề cương gồm tên đơn vị, tên giảng viên đảm nhận giảng dạy; tên môn học; số tín chỉ; mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học, ma trận liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra môn học; các yêu cầu của môn học; cấu trúc môn học; phương pháp dạy và học; phương thức kiểm tra/đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo. Đề cương chi tiết cần được coi là một kế hoạch và cam kết với người học về nội dung và cách thức dạy và học, là công cụ quản lý chất lượng của môn học [10]. Do đó, việc biên soạn đề cương chi tiết đòi hỏi rất nhiều công sức, nhất là phải cho thấy tính tương thích giữa chuẩn đầu ra của môn học với nội dung giảng dạy, cho thấy sự phù hợp của phương pháp dạy và kiểm tra so với chuẩn đầu ra.

Kết luận

Thực hiện chu trình xây dựng và vận hành một CTĐT theo các yêu cầu của đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục rất công phu, tuy nhiên áp dụng chu trình như vậy sẽ giúp gia tăng tính khoa học, tính thực tiễn, tính chuyên nghiệp của một CTĐT. Chu trình này cũng phản ánh triết lý giáo dục lấy người học làm trung tâm (dạy cho người học có năng lực cụ thể để làm việc và tiếp tục phát triển) và đào tạo để đáp ứng nhu cầu thực tiễn nhờ vào việc nghiên cứu ý kiến của các bên liên quan. Trong những năm gần đây, các khoa đào tạo ngành TT-TV đều phải từng bước đáp ứng yêu cầu này. Điều này đã khiến người dạy phải thay đổi cách tiếp cận từ chỗ dựa vào kiến thức của mình để phán quyết các nội dung cần dạy cho sinh viên, đến chỗ phải tìm hiểu các năng lực cần có của người lao động trong môi trường hiện tại để thiết kế nội dung, mức độ giảng dạy phù hợp, phương pháp dạy và kiểm tra tương thích. Để thực sự thay đổi là điều không dễ dàng. Đầu tiên là cần sự đồng thuận, cam kết thực hiện của mọi giảng viên; tiếp đến mỗi giảng viên đã phải dành thời gian để tham dự tập huấn, tự tìm

hiểu, trao đổi để hiểu rõ về nguyên tắc PDCA, nguyên tắc thiết kế CTĐT dựa trên chuẩn đầu ra, cách sử dụng thang đo Bloom, các phương pháp giảng dạy và kiểm tra tương thích với chuẩn đầu ra. Cùng với đó, là sự hướng dẫn, thiết lập cách làm một cách cụ thể từ phía người quản lý CTĐT, ít nhất là các khoa cần phải có một bộ công cụ bao gồm các quy định, quy trình, biểu mẫu và lộ trình, kế hoạch cho các công việc liên quan, từ việc thu thập ý kiến, thiết kế chuẩn đầu ra và CTĐT, đến biên soạn đề cương môn học. Đảm bảo chất lượng cho CTĐT là một công tác bền bỉ; đòi hỏi các khoa đào tạo ngành TT-TV phải chấp nhận một quá trình thử - sai trước khi có thể thực sự vận hành CTĐT theo các chuẩn mực chất lượng của quốc tế. Tuy nhiên, đảm bảo chất lượng chắc chắn sẽ phải được các khoa đào tạo ngành TT-TV theo đuổi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ALA (2009). Core competences for librarianship. Truy cập ngày 2/3/2020 tại <http://www.ala.org/educationcareers/sites/ala.org/educationcareers/files/content/careers/corecomp/corecompetences/finalcorecompstat09.pdf>
2. Bloom B.S. (1956). Taxonomy of Educational Objectives, Handbook I: Cognitive Domain. New York: David MacKay Co.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010). Hướng dẫn và công bố chuẩn đầu ra ngành Đào tạo, ban hành theo công văn 2196/BGDĐT-GD&DH, ngày 22/4/2010.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019). Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016.
5. CILIP (2012). Professional knowledge and skills base. Truy cập ngày 2/3/2020 tại <https://cilipswmn.wordpress.com/2016/03/15/using-the-professional-knowledge-and-skills-base/>
6. Đoàn Thị Minh Trinh (2012). Thiết kế và phát triển chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra. NXB. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
7. Đoàn Thị Minh Trinh, Đoàn Ngọc Khiêm (2012). Thiết kế và phát triển chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra. NXB. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
8. IFLA (2012). Guidelines for professional Library/Information Educational Programs. Truy cập ngày 2/3/2020 tại <https://www.ifla.org/publications/guidelines-for-professional-libraryinformation-educational-programs-2012>.
9. Joao Duque (2006). Learning Outcomes - A practical approach. Technical University of Lisbon.
10. Nguyễn Quốc Chính (2012). Thiết kế và phát triển chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra. NXB. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
11. Phạm Công Bằng, Nguyễn Hữu Lộc (2012). Thiết kế và phát triển chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra. NXB. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
12. Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Luật Giáo dục năm 2019.
13. Thủ tướng Chính phủ (2016). Bảng mô tả khung trình độ quốc gia Việt Nam, ban hành theo quyết định số 1952/QĐ-TTg ngày 18/10/2016.
14. Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục ĐHQG-HCM (2018). Tài liệu tập huấn kiểm định viên, Hội thảo tháng 7 năm 2018 của Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia, Tp. Hồ Chí Minh.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 5-02-2020; Ngày phản biện đánh giá: 16-3-2020; Ngày chấp nhận đăng: 15-4-2020).